

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2018/DS-PT.

Ngày: 27/7/2018.

V/v : “Tranh chấp hợp đồng dân
sự gửi, giữ tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Ông Nguyễn Gia Lương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn-
Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLPT- DS ngày 23 tháng 4
năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự gửi, giữ tài sản” do bản án dân sự sơ
thẩm số 03/2018/DS - ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh
Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2018/QĐ-PT ngày
05/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐ-PT ngày 15/06/2018,
Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 178 ngày 22/6/2018; Quyết
định tạm ngừng phiên tòa số 07 ngày 29/6/2018; Thông báo thay đổi thời gian
mở lại phiên tòa số: 208 ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Anh Lý Văn Q, sinh năm 1979 (Có mặt)

****Bị đơn:*** Chị Triệu Thị Đ, sinh năm 1988 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Bản HV, xã T T, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Lê Trung M, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

2. Anh Vũ Văn D, sinh năm 1983 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Bản HV, xã T T, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Vũ Thị X, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 12, xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình

**Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1962 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Bản HV, xã T T, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn chị Triệu Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lý Văn Q trình bày: Anh và anh Vũ Văn D, anh Lê Trung M, chị Vũ Thị X cùng làm chung xưởng gỗ bóc, các bên thỏa thuận anh Duy lo nguồn cung cấp gỗ, anh là người trực tiếp bán ván, anh M là người quản lý tiền. Ngày 29/02/2016 anh bán ván A, B và lõi vào buổi chiều; đến khoảng 7 giờ tối anh mang tiền đến nhà chị Đ gửi, khi mang đến nhà chị Đ thì có ông H, bà S và chị Đ ở nhà, anh đưa tiền cho ông H đếm tiền sau đó ông H đưa cho chị Đ đếm lại nhận tiền và cất đi, số tiền đưa cho chị Đ là 61.170.000đ; đến tháng 8 năm 2016 khi giải thể xưởng gỗ bóc thì anh mới đòi chị Đ số tiền này thì chị Đ nói không được nhận số tiền này, sau đó anh đưa bằng chứng ra thì chị Đ nói là buổi chiều anh gửi, đến tối anh đến lấy. Khi gửi tiền chị Đ anh có ghi âm bằng điện thoại và lưu trong thẻ nhớ MicroSD 2g màu đen, nhãn hiệu PenDrive. Nay anh yêu cầu chị Đ trả 61.170.000 đồng.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo bị đơn chị Triệu Thị Đ trình bày: Vào ngày 29/02/2016 khoảng từ 02 đến 03 giờ chiều khi đó ở nhà có chị và ông Vũ Mạnh H là bố chồng, bà Hoàng Thị S là mẹ chồng, thì anh Lý Văn Q đến gửi tiền. Khi anh Q mang tiền vào thì ông Vũ Mạnh H là người đếm tiền, chị ở bên cạnh, sau đó ông H đưa tiền cho chị cất số tiền là 61.170.000đ, chị mang vào trong buồng cất. Anh Q có nói cho vợ chồng chị biết đây là tiền bán ván A, B, lõi bóc. Đến khoảng 6 đến 7 giờ tối anh Q đến nhà chị lấy tiền, anh Q bảo chị đưa tiền buổi chiều anh Q gửi, chị vào trong buồng lấy tiền ra đưa cho anh Q, anh Q là người trực tiếp đếm và nhận tiền. Lúc này có ông H, bà S nhà. Khi chị đưa tiền trả cho anh Q chị chỉ đưa tay không làm giấy tờ văn bản gì, chỉ có bố mẹ chồng là Vũ Mạnh H và Hoàng Thị S chứng kiến việc này.

Lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Văn D: Anh là chồng chị Đ, xưởng gỗ bóc gồm 04 người gồm anh D, anh Lê Trung M, chị X và anh Lý Văn Q, anh làm nhiệm vụ chuyển gỗ về. Sự việc anh Q gửi tiền cho vợ anh, anh không được biết khi anh đi làm về thì được chị Đ kể chuyện việc anh Q gửi tiền và đã lấy. Đến nay số tiền 61.170.000 đồng vợ anh đã trả anh Q xong, anh không có ý kiến gì.

- Anh Lê Trung M: Xưởng gỗ bóc có 04 người anh Q, anh, anh D và chị X. Anh phụ trách việc thủ quỹ. Ngày 29/2/2016 việc anh Q bán ván được

61.170.000 đồng anh có được biết. Tầm 18 - 19 giờ anh Q có gọi cho anh nói là anh Q có gửi tiền ở nhà chị Đ, anh chỉ nghe qua điện thoại chứ không được chứng kiến trực tiếp.

- Chị Vũ Thị X: Năm 2014 chị có góp vốn cùng anh D, anh M, anh Q mở xưởng gỗ bóc sau đó đến khoảng tháng 8 năm 2014 chị có lên để xem xét công việc thế nào nhưng thấy công việc không hiệu quả nên chị rút không làm nữa chị chuyển số vốn đã góp sang anh D, nên việc ngày 29/02/2016 anh Q có bán được 61.170.000 đồng hay không thì chị không biết và việc anh Q gửi tiền chị Đ chị không được biết. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu chị Đ trả số tiền 61.170.000 đồng do chị không biết việc này nên chị không có ý kiến gì.

Lời khai người làm chứng:

- Ông Vũ Mạnh H trình bày: Ông là bố đẻ của anh Vũ Văn D, là bố chồng của chị Triệu Thị Đ. Ngày 29/02/2016 xưởng gỗ bán ván đến khoảng 02 đến 03 giờ chiều thì anh Q có đến gửi tiền cho chị Đ, số tiền là 61.170.000 đồng, đến khoảng 6 giờ 30 phút đến 07 giờ tối anh Q đã đến lấy số tiền trên.

Bà Hoàng Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh D, mẹ chồng của chị Đ. Vào khoảng tháng 02/2016 anh Q có bán ván gửi tiền chị Đ số tiền là 61.170.000 đồng đến tối khoảng 6 giờ 30 đến 07 giờ khi gia đình bà ăn cơm tối thì anh Q nghỉ việc xuống nhà bà lấy tiền đã gửi ban chiều.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS – ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 6 Điều 27, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016; Điều 2- Luật thi hành án dân sự; Điều 559; Điều 564- Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn Q, buộc chị Triệu Thị Đ phải trả cho anh Lý Văn Q số tiền 61.170.000 đồng (*Sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 07/3/2018 bị đơn là chị Triệu Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS – ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lý Văn Q là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn Triệu Thị Đ không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bị đơn là chị Triệu Thị Đ trình bày: Khoảng 2 - 3 giờ chiều ngày 29/2/2016 khi anh Q bán gỗ được 61.170.000 đồng có gửi tiền cho tôi cất hộ nhưng sau đó

tầm 7 giờ tối anh Q đã lấy lại. Khi gửi tiền không làm giấy tờ gì nên khi tôi trả lại tiền cho anh Q cũng không làm giấy tờ gì nhưng có bố mẹ chồng tôi chứng kiến việc tôi trả tiền cho anh Q. Do đó việc anh Q đòi tôi khoản tiền trên tôi không chấp nhận vì đã trả tiền cho anh Q rồi. Tôi không biết gì về tài liệu ghi âm do anh Q cung cấp, tôi không chấp nhận nội dung ghi âm đó. Tại phiên tòa trước tôi có đề nghị giám định giọng nói trong tài liệu ghi âm do anh Q cung cấp nhưng nay tôi không yêu cầu nữa.

Nguyên đơn là anh Lý Văn Q trình bày: Năm 2014 tôi có góp vốn làm chung xưởng gỗ bóc với anh D, anh M, chị X. Nhiệm vụ của anh D là cung cấp gỗ, anh M là thủ quỹ điều hành việc chung của xưởng, chị X chỉ góp vốn, còn tôi làm nhiệm vụ bóc gỗ tại xưởng.

Ngày 29/2/2016 anh M không có ở xưởng, tôi bán gỗ cho khách hàng được tổng cộng là 61.170.000 đồng. Sau khi bán gỗ nhận tiền xong tôi có gọi cho anh M để nộp tiền nhưng anh M không có nhà. Do nhà tôi không có chỗ để tiền an toàn và cùng làm ăn với gia đình chị Đ nên trước khi về tôi đã gửi số tiền 61.170.000 đồng cho gia đình chị Đ. Chị Đ nhận đủ số tiền và cất đi, lúc gửi khoảng 7 giờ tối và không làm giấy tờ gì nhưng tôi có ghi âm lại để phòng sau này các bên lại quên không nhớ. Sau đó xưởng gỗ giải tán tôi có đòi chị Đ số tiền gửi để tính toán với mọi người thì chị Đ không nhận. Khi tôi nói có ghi âm làm bằng chứng thì chị Đ lại bảo là đã trả tiền cho tôi lúc 6-7 giờ tối. Tôi khẳng định không có việc chị Đ trả tiền cho tôi vì ở thời điểm đó tôi mới gửi tiền để về nhà. Tôi là người nhận số tiền 61.170.000 đồng bán gỗ nên khi thanh lý xưởng tôi là người phải chịu trách nhiệm về số tiền này. Do gia đình chị Đ không thừa nhận cầm của tôi số tiền đó nên tôi phải kiện đòi để thanh lý xưởng gỗ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn D trình bày: Tôi có làm ăn chung với anh Q, anh M, chị X. Anh M làm sổ sách ngày 20 hàng tháng đều gặp nhau để chốt số liệu trên sổ sách cuối năm mới thanh toán lời lãi. Tôi không có nhà ngày 29/2/2016 nên không chứng kiến việc anh Q gửi tiền vợ tôi. Sau này tôi có nghe vợ tôi nói anh Q gửi tiền lúc 2-3 giờ chiều nhưng tầm 6-7 giờ tối đã lấy lại rồi. Do đó tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q. Anh Q là người bán gỗ và nhận số tiền đó nên anh Q phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 61.170.000 đồng khi thanh lý xưởng gỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy : Anh Q ghi âm không thông báo cho chị Đ biết nên khi trả tiền chị Đ không làm

giấy tờ gì vì cho rằng anh Q gửi không có giấy tờ; việc chị Đ trả tiền có ông H, bà S là bố mẹ chồng chứng kiến. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của chị Triệu Thị Đ, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, Điều 308- Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q đòi chị Đ trả số tiền 61.170.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Triệu Thị Đ được nộp cho Tòa án nhân dân huyện YT trong thời hạn quy định của pháp luật và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ, khoản 1, Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do đó kháng cáo của chị Triệu Thị Đ là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn là chị Triệu Thị Đ: Chị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2018/DS – ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại và hủy toàn bộ bản án, HĐXX thấy:

Tại các bản tự khai về nguồn gốc, thời gian địa điểm giao nhận số tiền 61.170.000 đồng các đương sự đều thừa nhận vào ngày 29/02/2016 tại nhà chị Đ có chị Đ và ông Vũ Mạnh H là bố chồng, bà Hoàng Thị S là mẹ chồng ở nhà thì anh Lý Văn Q đến gửi tiền. Bị đơn là chị Triệu Thị Đ, người làm chứng là ông Vũ Mạnh H, bà Hoàng Thị S đều thừa nhận anh Lý Văn Q có vào nhà và đưa số tiền 61.170.000 đồng cho chị Đ. Lời khai của các đương sự phù hợp với trình bày của nguyên đơn anh Lý Văn Q về việc anh Q có mang tiền đến nhà chị Đ gửi, khi mang đến nhà chị Đ thì có ông H, bà S và chị Đ ở nhà, anh đưa tiền cho ông H đếm tiền sau đó ông H đưa cho chị Đ đếm lại nhận tiền và cất đi, số tiền đưa cho chị Đ là 61.170.000 đồng. Như vậy các bên đều thừa nhận có việc anh Q

gửi chị Đ số tiền 61.170.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 1810/KL-PC54 ngày 23/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận thời gian ghi âm từ 19 giờ 11 phút 06 giây ngày 29/02/2016 đến 19 giờ 17 phút 10 giây ngày 29/02/2016 nên có thể khẳng định việc anh Q gửi tiền chị Đ vào hồi 19 giờ ngày 29/02/2016 như lời khai của anh Q là có căn cứ.

Về việc chị Đ, ông H, bà S trình bày khoảng 6-7 giờ tối anh Q có đến nhà và lấy lại số tiền trên, nhưng trong quá trình xét xử chị Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Mặt khác chị Đ, ông H, bà S có tham gia nhận tiền và là người thân thích với nhau nên việc ông H, bà S làm chứng là chị Đ đã trả tiền anh Q là có dấu hiệu không không vô tư khách quan nên không có cơ sở chấp nhận sự làm chứng này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Triệu Thị Đ cũng không giao nộp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là việc anh Lý Văn Q đã nhận lại số tiền 61.170.000 đồng;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Trung M, anh Vũ Văn D, chị Vũ Thị X tại thời điểm anh Lý Văn Q và chị Triệu Thị Đ giao nhận tiền cũng không có mặt và không biết về quá trình gửi số tiền trên và không chứng kiến việc chị Đ trả tiền anh Q nên lời khai của họ không có căn cứ chứng minh cho việc chị Đ có nhận và đã trả lại cho anh Q số tiền 61.170.000 đồng hay không.

Từ những nội dung trên HĐXX thấy án sơ thẩm buộc chị Đ phải trả số tiền 61.170.000 đồng cho anh Q là có căn cứ pháp luật phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Triệu Thị Đ, cần áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm đã xét xử.

Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị Đ, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Triệu Thị Đ không được chấp nhận nên chị Triệu Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do chị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ vào quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, HĐXX miễn án phí phúc thẩm cho chị Triệu Thị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 6 Điều 27, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016; Điều 2- Luật thi hành án dân sự; Điều 559; Điều 564- Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015. Xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Triệu Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Buộc chị Triệu Thị Đ phải trả cho anh Lý Văn Q số tiền 61.170.000 đồng (*Sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 – Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

[3]. Về chi phí giám định: Buộc chị Triệu Thị Đ phải trả cho anh Lý Văn Q 3.000.000 đồng chi phí giám định.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Triệu Thị Đ.

[4.2]. Anh Lý Văn Q không phải chịu án phí. Hoàn trả anh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.529.000 tại biên lai thu số AA/2012/02154 ngày 30/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30- Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện YT;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

